CTY TNHH TM VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/11/DV
(V/v: Thay đổi số đăng ký thuốc, mẫu nhãn hộp, vĩ sản phẩm Pruzena)

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: **CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM MEDX**

Trước tiên Ban Giám Đốc Công ty TNHH TM Vật tư y tế Dược Việt xin chân thành cảm ơn quý khách hàng đã sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi trong thời gian qua và thời gian tới.

Căn cứ quyết định số : 550/QĐ-QLD ngày 02/08/2024 Về việc ban hành danh mục 700 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam – Đợt 2026

Căn cứ công văn số: 208/DVP-TB-25 ngày 14/08/2025 của Công Ty cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM).

Công ty chúng tôi xin gửi đến quý khách hàng thông tin về sản phẩm **PRUZENA** sẽ thay đổi cho **các lô có ngày sản xuất từ 19/07/2025** như sau:

1. Số đăng ký

2. Mẫu nhãn hộp, vĩ (hồ sơ và hình ảnh đính kèm)

Công ty TNHH Thương Mại Vật Tư Y Tế Dược Việt xin trân trọng cảm ơn Quý khách hàng.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY DƯỢC VIỆT
GIÁM ĐỐC



LƯƠNG VĂN PHÚC

DAVIPHARM
A member of Adamed Group

Số/*No*: 208/DVP-TB-25

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 14, 2025

THƯ THÔNG BÁO/ *NOTIFICATION LETTER*

Kính gửi*: *Quý Khách Hàng

Dear: Customers

Công Ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú (DAVIPHARM) xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng đã sử dụng sản phẩm của công ty chúng tôi trong thời gian qua.

Dat Vi Phu Pharmaceutical Joint Stock Company (DAVIPHARM) would like to sincerely thank customers for using our company's products in the past.

Công Ty xin gửi đến Quý khách hàng thông tin về sản phẩm **Viên nén bao phim PRUZENA** chứa hoạt chất chính là Doxylamin succinat 10 mg, Pyridoxin HCL 10 mg, số đăng ký VD-19666-13, sẽ thay đổi:

- **Số đăng ký** theo Quyết định số 550/QĐ-QLD ngày 02/08/2024.
- **Mẫu nhãn thuốc (Hộp, vỉ)** theo Công văn số 4827e/QLD-ĐK ngày 11/02/2025.

Cụ thể như sau:

The company would like to send information to customers about PRUZENA film-coated tablet product, containing the main active ingredients Doxylamine succinate 10 mg, Pyridoxine HCL 10 mg, visa number VD-19666-13, which will change:

- The Visa number will be changed according to Decision 550/QĐ-QLD on August 02, 2024.

- The drug labels (box, blister) will be rebranded according to the official dispatch 4827e/QLD-ĐK on February 11, 2025

Specifically as follows:

1. **Số đăng ký/ *Visa No.:***

Số đăng ký cũ/ *Old Visa No.*	**Số đăng ký mới/ *New Visa No.***
VD-19666-13	**893100703924**

Dat Vi Phu Pharmaceutical JSC / Công Ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú

Registered Address:

Lô M7A, đường D17, KCN Mỹ Phước 1, P. Thới Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh

Phone: +84 028 386 86 071

Tax Number (MST): 3700575898

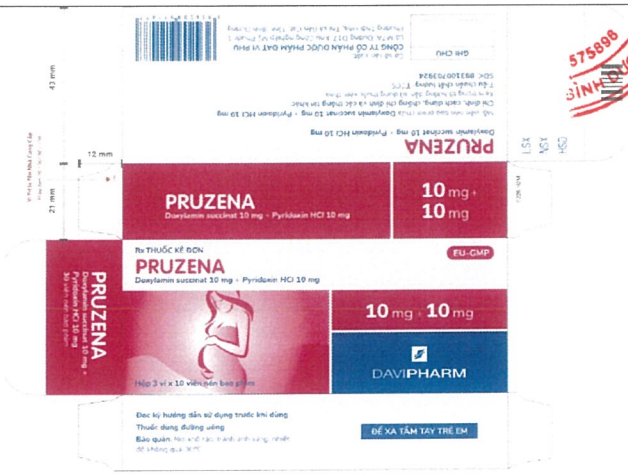
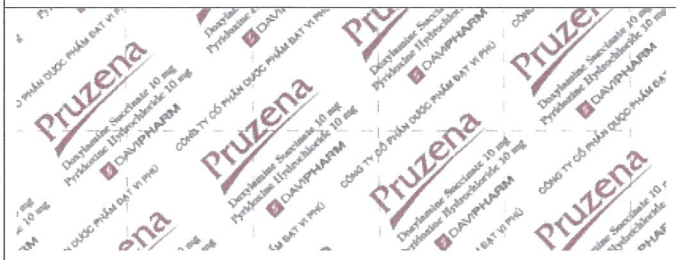
www.davipharm.info email: davipharm@davipharm.info

HCMC Office:
An Phu Plaza, 7th Floor, 117-119 Ly Chinh Thang,
Xuan Hoa Ward , HCMC
Phone: +84 028 386 61 463, +84 028 386 63 622

ADAMED

DAVIPHARM
A member of Adamed Group

2. Hình minh họa (Hộp, vỉ)/ *Illustration (Folding box, blister)*

Hộp cũ/ *Old folding box*	**Hộp mới/ *New folding box***
	
Vỉ cũ/ *Old blister*	**Vỉ mới/ *New blister***
	

Bắt đầu áp dụng cho các lô có ngày sản xuất từ 19/07/2025/ *Starting to apply to batches with manufacturing date from July 19, 2025.*

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

Thank you very much and respectfully.

Dược sĩ Phụ trách Đảm Bảo Chất Lượng/
Pharmacist in charge of Quality Assurance

DAVIPHARM
MSDN: 3700575898
TP. BẾN CÁT - T. BÌNH DƯƠNG

DS. Bùi Đình An

Dat Vi Phu Pharmaceutical JSC / Công Ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú

Registered Address:

Lô M7A, đường D17, KCN Mỹ Phước 1, P. Thới Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh

Phone: +84 028 386 86 071

Tax Number (MST): 3700575898

www.davipharm.info email: davipharm@davipharm.info

HCMC Office:
An Phu Plaza, 7th Floor, 117-119 Ly Chinh Thang,
Xuan Hoa Ward , HCMC
Phone: +84 028 386 61 463, +84 028 386 63 622

ADAMED

BỘ Y TẾ **CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-QLD	*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục 700 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 206

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 206 tại Công văn số 60/HĐTV-VPHĐ ngày 20/6/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GĐKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 700 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 206, cụ thể:

1. Danh mục 479 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 193 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Danh mục 28 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực đến 31/12/2025 (*Phụ lục III kèm theo*).

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực

hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT; Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

Phụ lục I

DANH MỤC 479 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 206

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-QLD ngày tháng năm 2024 của Cục Quản lý Dược)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần DTS Việt Nam (Địa chỉ: Số 18, tổ 51, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam)								
1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (Địa chỉ: Nhà máy dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)								
1	Goldagtin	Vildagliptin 50mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110652624 (VD-31455-19)	1
2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 232, Trần Phú, phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam)								
2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược – Vật tư y tế Thanh Hóa (Địa chỉ: Số 04 đường Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam)								
2	Asigastrogit	Attapulgit hoạt hóa 2,5g; Magnesi carbonat 250mg; Nhôm hydroxyd khô 250mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 3,2g	NSX	36	893100652724 (VD-23151-15)	1
3	Piracetam	Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110652824 (VD-23153-15)	1
4	Acethepharm	Acetylcystein 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 2g	NSX	24	893100652924 (VD-20936-14)	1
5	Cinepark	Ofloxacin 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	DĐVN IV	36	893115653024 (VD-22583-15)	1
6	Dutased	Sulfamethoxazol 2000mg; Trimethoprim 400mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 20g pha 50ml hỗn dịch	NSX	36	893110653124 (VD-25352-16)	1
7	Montekas	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 1g; Hộp 12 gói x 1g; Hộp 20 gói x 1g; Hộp 30 gói x 1g	NSX	36	893110653224 (VD-23783-15)	1
3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed (Địa chỉ: 263/9 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)								
3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Địa chỉ: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh – Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)								
8	Apitor 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai x 100 viên, Hộp 1 chai x 200 viên	NSX	24	893110653324 (VD-30218-18)	1
4. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược ATM (Địa chỉ: Trụ sở chính: VP 26, tầng 26 tòa elip, 110 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Địa chỉ kinh doanh: Lô B1.4-LK31-01- Khu đô thị Thanh Hà- Cieanco 5, xã Cự khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam)								

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên (Địa chỉ: Lô C16, Đường số 9, khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)								
23	A.T Neltimicin inj	Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat) 100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2ml	NSX	24	893110702724 (VD-24731-16)	1
24	A.T ZinC	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat) 10mg	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110702824 (VD-24740-16)	1
25	Atihepam 500	L-Ornithin L-Aspartat 500mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	NSX	24	893110702924 (VD-24736-16)	1
14. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)								
14.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam (Địa chỉ: Số 43 đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)								
26	Otibone 500	Glucosamin (dưới dạng glucosamin hydroclorid) 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 43	36	893100703024 (VD-20181-13)	1
27	Otibone 750	Glucosamin(dưới dạng glucosamin hydroclorid) 750mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	USP 43	36	893100703124 (VD-20182-13)	1
15. Cơ sở đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)								
15.1. Cơ sở sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam)								
28	BFS-Neostigmine 0.25	Neostigmin metylsulfat 0,25mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml; Hộp 20 ống x 1ml; Hộp 50 ống x 1ml	NSX	36	893114703224 (VD-24008-15)	1
16. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (Địa chỉ: Lô M7A , Đường D17, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)								
16.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú (Địa chỉ: Lô M7A , Đường D17, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 1, Phường Thới Hòa, Thị Xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)								
29	Dryches	Dutasterid 0,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110703324 (VD-28454-17)	1
30	Gellux	Mỗi gói chứa: Sucralfat 1g	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15g, Hộp 30 gói x 15g	NSX	36	893100703424 (VD-27438-17)	1
31	Gourcuff-5	Alfuzosin HCl 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110703524 (VD-28912-18)	1
32	Gyllex	L-ornithin-L-aspartat 300mg	Viên nang mềm	Hộp 6 vỉ x 5 viên	NSX	36	893110703624 (VD-21057-14)	1
33	Keikai	Melatonin 3mg	Viên nang mềm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110703724 (VD-28469-17)	1
34	Paolucci	Deferipron 500mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110703824 (VD-21063-14)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
35	Pruzena	Doxylamin succinat 10mg; Pyridoxin HCL 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100703924 (VD-19666-13)	1
36	Siqueira	Arginin HCl 500mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110704024 (VD-21991-14)	1
37	Venutel	Temozolomid 50mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 7 viên	NSX	36	893114704124 (VD-30908-18)	1
38	Ziegler	Arginin HCl 500mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110704224 (VD-19674-13)	1

17. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội (Địa chỉ: số 170 Đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

17.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Nội (Địa chỉ: Lô số 15, Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

39	Cloramphenicol	Cloramphenicol 32mg/8ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Hộp 01 lọ 8ml; Hộp 50 lọ 8ml	NSX	24	893115704324 (VD-29742-18)	1
40	Isotic Moxisone	Mỗi lọ 5ml chứa: Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 5mg; Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydroclorid) 25mg	Dung dịch thuốc tra mắt, nhỏ tai	Hộp 01 lọ 5ml	NSX	24	893115704424 (VD-18725-13)	1

18. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Số 10A, phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

18.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

41	Ausmuco 200 mg	Carbocistein 200mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 2g, Hộp 14 gói x 2g, Hộp 20 gói x 2g	NSX	24	893100704524 (VD-29743-18)	1
42	Ausmuco 750g	Carbocistein 750mg	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 15 gói x 3g, Hộp 20 gói x 3g, Hộp 30 gói x 3g	NSX	24	893100704624 (VD-29744-18)	1
43	Cefpivoxil 50	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil) 50mg	Viên nén phân tán	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110704724 (VD-29747-18)	1
44	Gyndizol	Clotrimazol 100mg; Metronidazol 500mg	Viên nang mềm đặt âm đạo	Hộp 2 vỉ x 6 viên	NSX	24	893115704824 (VD-28664-18)	1
45	Letsuxy	L-Ornithin L-Aspartat 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên; Hộp lớn x 5 hộp nhỏ x 1 túi x 2 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 5 viên	NSX	36	893110704924 (VD-22881-15)	1